

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Ban hành kèm theo Văn bản số 015/CV-TCGL ngày 28 tháng 02 năm 2024 của
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long)

Bảng niêm yết giá dịch vụ tại cảng biển Tân Cảng Giao Long

1. Đối với container hàng:

1.1. Tác nghiệp tại cầu tàu đối với container nội địa hàng thông thường:

Bảng 01:

Đơn vị tính: VNĐ/container

TT	Phương án làm hàng	Container 20feet	Container 40feet	Container trên 40feet
1	Sà lan – Bãi/Bãi – Sà lan	423.000	621.000	932.000
2	Sà lan – Sà lan, Xe/Sà lan, Xe – Sà lan	384.000	564.000	846.000

1.2. Tác nghiệp tại bãi đối với container hàng thông thường:

Bảng 02:

Đơn vị tính: VNĐ/container

Phương án làm hàng	Container 20feet	Container 40feet	Container 45feet
Hạ container từ xe khách hàng xuống bãi hoặc nâng container từ bãi lên xe khách hàng	315.000	554.000	653.000
Hạ container ở tầng trên xuống đất phục vụ kiểm hóa	189.000	333.000	396.000

1.3. Các trường hợp phụ thu:

a) Đối với container hàng nguy hiểm (IMDG): Đơn giá xếp container từ bãi lên sà lan/ dỡ container từ sà lan xuống bãi/nâng container từ bãi lên xe/hạ container từ xe xuống bãi được tính bằng 150% đơn giá xếp dỡ container hàng thông thường.

b) Đối với container hàng có kích thước hàng hóa vượt kích cỡ chuẩn của container thông thường không quá 03m chiều dài, hoặc 01m chiều rộng hoặc 01m chiều cao, hoặc trọng lượng container (gồm cả hàng và vỏ container) từ trên 30 tấn đến không quá 35 tấn, trường hợp thiết bị của Cảng có thể đảm nhận xếp dỡ được: đơn giá xếp dỡ tăng 100% so với đơn giá xếp dỡ container tương ứng theo từng phương án nêu trên.

c) Đối với container chứa hàng có kích thước hoặc trọng lượng hàng hóa vượt trên mức quy định tại 1.1.5.b nêu trên, trường hợp thiết bị của Cảng có thể đảm nhận



được: Cảng thu phí xếp dỡ với giá thỏa thuận.

d) Đối với container chứa hàng vừa nguy hiểm, vừa quá khổ/quá tải: đơn giá xếp dỡ được tính bằng 150% đơn giá xếp dỡ container hàng thông thường cộng với tổng phụ thu đối với xếp dỡ container quá khổ/quá tải.

e) Tổng phụ thu đối với xếp/dỡ container quá khổ/quá tải là phần đơn giá xếp/dỡ tăng thêm khi xếp/dỡ container quá khổ/quá tải so với xếp dỡ container thông thường tương ứng.

f) Đối với container hàng xuất chuyển ra ngoài tái chế, Cảng thu như giao container hàng nhập lên phương tiện của khách hàng (đơn giá quy định tại bảng 02) cộng với cước đảo chuyển (nếu có) theo quy định tại bảng 04-dưới đây.

2. Đối với container rỗng:

2.1. Tác nghiệp tại cầu tàu:

Bảng 03:

Đơn vị tính: VNĐ/container

TT	Phương án làm hàng	Container 20feet	Container 40feet	Container trên 40feet
1	Sà lan – Bãi/Bãi – Sà lan	216.000	329.000	494.000
2	Sà lan – Sà lan, Xe/Sà lan, Xe – Sà lan	196.000	298.000	448.000

2.2. Tác nghiệp tại bãi:

Bảng 04

Đơn vị tính: VNĐ/container

TT	Phương án làm hàng	Container 20feet	Container 40feet	Container trên 40feet
1	Nâng/hạ container rỗng từ bãi cảng lên xe giao khách hàng hoặc ngược lại			
	Cấp rỗng thông thường	290.000	468.000	612.000
	Cấp rỗng chỉ định số	Có quy định riêng tại mục 2.3, điểm b		
2	Hạ rỗng phục vụ sửa chữa, lắp đặt thiết bị	216.000	311.000	432.000

2.3. Các quy định khác đối với container rỗng:

a) Đối với container rỗng được xếp dỡ 01 lần để phục vụ cùng lúc nhiều công việc như sửa chữa, PTI, phục vụ ráp thanh treo,... cước xếp dỡ sẽ được tính cho công đoạn có đơn giá cao nhất.

b) Đối với container cấp chỉ định số:

- Cảng chỉ cấp nhận yêu cầu quản lý container rỗng chỉ định khi container đó đã ở trạng thái rỗng trong hệ thống quản lý container của Cảng.

- Thời gian để Cảng thực hiện cấp chỉ định như sau:

Nếu số lượng đảo chuyển thực tế:

- + Dưới 10 container: Cảng sẽ cấp ngay sau khi nhận được yêu cầu
- + Từ 10-20 container: Cảng sẽ cấp sau 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu
- + Từ 21-30 container: Cảng sẽ cấp sau 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu
- + Từ 31-40 container: Cảng sẽ cấp sau 72 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu
- + Trên 40 container: Cảng sẽ thống nhất với khách hàng về thời gian cấp rỗng.

- Đơn giá cấp container chỉ định:

+ Trường hợp container được Hãng tàu gửi thông báo cho Cảng ngay tại thời điểm container thể hiện trạng thái rỗng trong hệ thống quản lý của Cảng: Đơn giá cấp rỗng tính như đối với container rỗng cấp thông thường.

+ Trường hợp container được Hãng tàu không gửi thông báo cấp chỉ định cho Cảng hoặc gửi thông báo cho Cảng sau thời điểm container thể hiện trạng thái rỗng trong hệ thống quản lý của Cảng, đơn giá cấp container rỗng chỉ định tính tăng 50% so với cấp container rỗng thông thường.

*** Ghi chú:**

- Thu phí bằng tiền mặt trước khi tiến hành giao nhận hàng tại Cảng.
- Trường hợp chuyển đổi từ đô la Mỹ sang đồng Việt Nam thì quy đổi theo tỷ giá giao dịch bán chuyển khoản do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán.
- Tất cả giá cước, phí trong Bảng niêm yết này là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Các chủ hàng có container xếp dỡ với số lượng lớn và ký hợp đồng dài hạn, tùy trường hợp cụ thể Giám đốc Cảng sẽ xem xét áp dụng giá ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu phù hợp.

Mức kê khai này thực hiện từ ngày 01/3/2024

Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long cam kết về việc các dịch vụ đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, kinh doanh dịch vụ tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 7 và Điều 9 – Luật giá năm 2023

Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết.

Nơi nhận:

- Như trên:
- Lưu: VT.



Trần Tấn Lực